

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
ngày 21 tháng 5 năm 2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Huệ

Bà Đoàn Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hào – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2026/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng;

Nơi ở hiện tại: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trịnh Thị H trình bày: Năm 2014, tôi và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống không hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Chúng tôi đã sống ly thân hơn 2 năm nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể

tiếp tục kéo dài, nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Lâm Đồng giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Văn L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, là cháu Lê Quang L1, sinh ngày 25-10- 2015 và cháu Lê Trịnh Minh C sinh ngày 22-11-2017. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn L: Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh L không đến Tòa án làm việc.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Giao cháu Lê Quang L1, sinh ngày 25-10- 2015 và cháu Lê Trịnh Minh C sinh ngày 22-11-2017 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Lê Văn L, anh L đăng ký thường trú tại thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng, nơi ở hiện tại: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã trực tiếp cấp, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn là anh Lê Văn L theo quy định tại Điều 171, 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Trịnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị H với anh Linh, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 02-10-2014, chị Trịnh Thị H và anh Lê Văn L tự nguyện

đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng) theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Chị H cho rằng, quá trình chung sống không hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không tham dự phiên hòa giải là thể hiện không mong muốn gia đình đoàn tụ. Như vậy, vợ chồng H và anh L không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Với thực trạng nói trên cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H đối với anh Lê Văn L.

[4]. Về con chung: Chị H yêu cầu Tòa án giao con chung là cháu Lê Quang L1, sinh ngày 25-10- 2015 và cháu Lê Trịnh Minh C sinh ngày 22-11-2017 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.* Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, anh L vắng mặt nên không thỏa thuận được với chị H về người trực tiếp nuôi con chung. Hiện tại, 02 cháu đang sống chung với chị H và các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu L1 và cháu C cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số

0000802 ngày 13-01-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-Lâm Đồng)

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H đối với anh Lê Văn L.

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Quang L1, sinh ngày 25-10- 2015 và Lê Trịnh Minh C sinh ngày 22-11-2017 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chị Trịnh Thị H, anh Lê Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000802 ngày 13-01-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-Lâm Đồng)

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THA DS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm